

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù và các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (theo biểu đính kèm).


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng: Tổ chức - Hành chính; Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Văn phòng Sở (niêm yết tại VP Sở và Cổng thông tin điện tử của Sở);
- Lưu: VT, KH. NTVH

GIÁM ĐỐC



Đặng Kim Cương

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-SNNPTNT ngày 24/12/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

DVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, lâm sản và thủy sản	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Thủy sản	Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục Thủy lợi	Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Ban Quản lý khai thác các cảng cá	Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sát - Sông Trâu	Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang	Ban Quản lý rừng phòng hộ Krôngpha	Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	124.270.450	124.270.450	11.531.400	50.260.450	3.251.580	3.185.650	6.885.490	9.274.560	2.825.640	4.105.130	7.553.370	1.478.750	420.000	8.872.100	6.866.910	2.372.330	5.387.090
I	Nguồn ngân sách trong nước	124.270.450	124.270.450	11.531.400	50.260.450	3.251.580	3.185.650	6.885.490	9.274.560	2.825.640	4.105.130	7.553.370	1.478.750	420.000	8.872.100	6.866.910	2.372.330	5.387.090
1	Chi quản lý hành chính	77.875.410	77.875.410	10.899.960	45.157.450	3.248.580	3.182.650	3.280.160	6.931.260	2.699.720	2.475.630							
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	62.823.140	62.823.140	9.411.330	38.589.700		2.492.650	2.610.560	4.756.870	2.486.400	2.475.630							
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15.052.270	15.052.270	1.488.630	6.567.750	3.248.580	690.000	669.600	2.174.390	213.320								
2	Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	46.395.040	46.395.040	631.440	5.103.000	3.000	3.000	3.605.330	2.343.300	125.920	1.629.500	7.553.370	1.478.750	420.000	8.872.100	6.866.910	2.372.330	5.387.090
2.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	23.583.530	23.583.530									6.853.360	653.750		7.098.160	4.482.740	2.037.330	2.458.190
2.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	22.811.510	22.811.510	631.440	5.103.000	3.000	3.000	3.605.330	2.343.300	125.920	1.629.500	700.010	825.000	420.000	1.773.940	2.384.170	335.000	2.928.900